

TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

-----o0o-----

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2019.

V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

-----o0o-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán, chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hà

Hội hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chính và ông Lê D Tấn

Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Loan - Thư ký Tòa án huyện Tiệu Hóa

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N- Sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Dân H, Xã Thiệu H, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Tống Bá D -Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Thái Dương, Xã Thiệu H, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2019, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Chị và anh Tống Bá D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn ngày 03/7/2014 tại UBND xã Thiệu H, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng vào miền nam làm ăn, tình cảm vợ chồng hạnh phúc bình thường, nhiều khi có va chạm cãi lộn nhau nhưng xong rồi thôi. Cuối năm 2017, vợ chồng về quê, chung sống cùng với bố mẹ chồng tại Thôn Thái Dương, Xã Thiệu H, Huyện Thiệu Hóa. Kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân do xuất phát từ mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu ảnh hưởng trực tiếp đến tình cảm vợ chồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2018, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn Chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung với nhau, cháu là Tổng Bá Dương, sinh ngày 5/8/2016. Ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2019, bị đơn anh Tổng Bá D trình bày:

Anh và chị Đặng Thị N kết hôn với nhau vào ngày 03/7/2014 tại UBND xã Thiệu H, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, như chị N trình bày là đúng.

Sau khi cưới vợ chồng hạnh phúc bình thường cả hai vào miền nam làm ăn. Cuối năm 2017, vợ chồng về quê và sống cùng với bố mẹ anh, đến tháng 8/2018 chồng vợ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị N và bố mẹ anh có nhiều điều không vừa ý nhau, lời qua tiếng lại nên ít nhiều có ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Tháng 8/2018 chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N làm đơn ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức chia tay nay nhau, không đồng ý ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên H giải ngày 14/03/2019 và tại phiên Tòa, bị đơn Tổng Bá D xác định sau một thời gian được tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng cải thiện quan hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả nên anh D chấp nhận yêu cầu của chị N và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có một con chung với nhau, cháu là Tổng Bá Dương, sinh ngày 5/8/2016.

Ly hôn, anh D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con nhưng cháu còn nhỏ chị N lại xin được nuôi nên anh D nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị N, anh sẽ có trách nhiệm nuôi con chung cùng chị N.

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 25 tháng 02 năm 2019 và phiên H giải ngày 14/03/2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị N giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Về con chung, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Tổng bá D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên tòa căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của những người tham gia tố tụng nghe đương sự trình bày quan điểm sau cùng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về tố tụng:

Chị Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tống Bá D. anh D có nơi cư trú tại Thôn Thái Dương, xã Thiệu H, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Tống Bá D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng H thuận hạnh phúc bình thường cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân từ mâu thuẫn giữa gia đình nhà chồng với con dâu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, từ đó chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân, hai bên không còn quan tâm nhau nữa mọi quan hệ chấm dứt từ tháng 8/2018. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cả hai anh chị cùng đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy yêu cầu của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung với nhau là Tống Bá Dương, sinh ngày 5/8/2016. Ly hôn chị N, anh D đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Yêu cầu được trực tiếp nuôi con của hai anh chị là hoàn toàn chính đáng, song hiện tại cháu Dương đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần có sự chăm sóc của người mẹ, nên anh D nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, do vậy công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị N đi làm có thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con không yêu cầu anh D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị N là hoàn toàn tự nguyện, do vậy chấp nhận ý kiến của chị N, anh D không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi chị N có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị N, anh D không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Từ những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51,55,81,82,83, Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điểm 1.1, tiểu mục 1, Mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Tổng Bá D.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Đặng Thị N và anh Tổng Bá D.

Chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tổng Bá Dương, sinh ngày 5 tháng 8 năm 2016 cho đến khi cháu trưởng thành. Anh Tổng Bá D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N cho đến khi chị N có yêu cầu.

Anh Tổng Bá D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

- Về tài sản chung: Chị Đặng Thị N, anh Tổng Bá D không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0005386 ngày 03/01/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thiệu Hóa, được trừ vào án phí.

*Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt hai bên đương sự Tuyên bố các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Thiệu Hoá
- Chi cục thi hành án Thiệu Hoá
- TAND Tỉnh Thanh Hóa
- UBND xã nơi ĐS ĐKKH
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lê Văn Hà

